

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 14-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phước.
- Ông Phạm Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 07/3/2025, giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Tiên có n.

Trụ sở: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

* *Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Thanh T; Địa chỉ: Số B, đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

– *Bị đơn:* Ông Lương Văn V, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, đường N, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Tiên có n và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Tâm: Vào ngày 04/4/2024, ông Lương Văn V có đến chi nhánh Công ty Tiên có n để ký hợp đồng cầm cố tài sản số SBM240401004NA14X để cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát: 83P2-136.17; Loại xe: Honda Airblade FI, màu: Đen; Số khung: RLHJF4616EY018439, số máy: JF46E2026490; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005295 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/04/2024 để lấy số tiền 6.968.085 đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn không trăm tám mươi lăm đồng); Thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ ngày 04/4/2024 – 04/10/2015) với mức lãi suất là 1,1%/tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký kết thì Công ty Tiền có n đã giải ngân đầy đủ số tiền cho ông Lương Văn V.

Do nhu cầu có xe đi lại hàng ngày nên cùng ngày ông V và Công ty Tiền có n ký giấy mượn xe để sử dụng. Trong giấy mượn xe có ghi rõ thời hạn mượn xe từ 04/4/2024 đến 04/5/2024 địa điểm trả xe tại Chi nhánh S. Ông V có cam kết trong giấy mượn xe “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ ông V không thanh toán đúng theo hợp đồng. Đến nay hợp đồng đã quá hạn 40 ngày, ông V không trả nợ và cũng không trả lại xe cho Công ty Tiền có n. Nhân viên đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông V tại địa chỉ đường N, Khóm D, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nhưng không gặp. Công ty Tiền có n đã tạo điều kiện về thời gian để ông V trả tiền hoặc trả tài sản là xe máy đã cầm cố nhưng ông V không thực hiện và cố tình trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của công ty.

Nay Công ty Cổ phần Tiền có n yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lương Văn V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tiền có n tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 5.144.483 đồng (trong đó, tiền gốc 4.862.767 đồng, lãi trong hạn 281.716 đồng) và yêu cầu ông V tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lương Văn V, nhưng ông V không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như không tham phiên tòa.

– Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn ông Lương Văn V đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T, trong phạm vi được ủy quyền đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn trả các khoản phí. Xét thấy, việc thay

đòi yêu cầu khởi kiện của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[3] Xét Hợp đồng cầm cố tài sản số SBM240401004NA14X ngày 04/4/2024; Giấy mượn xe ngày 04/4/2024 giữa Công ty Tiên có n với ông Lương Văn V. Về tính hợp pháp của hợp đồng các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Đồng thời, việc cầm cố có đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục quốc gia: Giaodichdambao/botuphap, theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn>. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[4] Theo lời trình bày của nguyên đơn, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tiên có n theo hợp đồng đã ký kết nêu trên. Ông V không thanh toán đúng theo hợp đồng. Đến nay hợp đồng đã quá hạn, ông V không trả nợ và cũng không trả lại xe cho Công ty Tiên có ngay. Xét thấy việc ông V không trả tiền gốc và lãi cho Công ty Tiên có ngay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Công ty Tiên Có n đã chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ và yêu cầu ông V phải thanh toán cho Công ty Tiên có n số tiền gốc còn nợ là 5.144.483 đồng theo Điều 6 của Hợp đồng cầm cố tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số SBM240401004NA14X ngày 04/4/2024, hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thấy rằng, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chưa trả gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó số tiền lãi trong hạn từ ngày 05/10/2024 đến ngày 14/4/2025 với mức lãi suất 1,1%/tháng là 281.716 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là có căn cứ nên được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà ông V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tiên có n là 5.144.483 đồng.

[6] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng thấy rằng, yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[7] Sau khi ông V thi hành xong số tiền nợ cho Công ty Tiền có n thì Công ty Tiền có ngay có nghĩa vụ trả lại cho ông Việt Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005295 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/04/2024; Loại xe: Honda Airblade FI, màu: Đen; Số khung: RLHJF4616EY018439, số máy: JF46E2026490.

[8] Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô biển kiểm soát: 83P2-136.17; Loại xe: Honda Airblade FI, màu: Đen; Số khung: RLHJF4616EY018439, số máy: JF46E2026490 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm là 300.000 đồng ông V phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 277, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tiền có n.

Buộc ông Lương Văn V trả cho Công ty cổ phần Tiền có n số tiền còn nợ tính đến ngày 14/4/2025 tổng cộng là 5.144.483 đồng (Trong đó: Nợ gốc 4.862.767 đồng, lãi trong hạn 281.716 đồng) theo Hợp đồng cầm cố tài sản số SBM240401004NA14X ngày 04/4/2024.

Kể từ ngày 15/4/2025, ông Lương Văn V còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Tiền có n theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

2. Sau khi ông Lương Văn V thi hành xong số tiền nợ cho Công ty cổ phần Tiền có n thì Công ty cổ phần Tiền có n có nghĩa vụ trả lại cho ông Lương Văn V

Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005295 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/04/2024; Loại xe: Honda Airblade FI, màu: Đen; Số khung: RLHJF4616EY018439, số máy: JF46E2026490.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lương Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008738 ngày 20/12/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố S.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng TT,KT&THA);
- VKSND TP S;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh